

TỔNG CÔNG ĐOÀN
VIỆT NAM
Số: 4-TT/TCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 1985

THÔNG TƯ

CỦA TỔNG CÔNG ĐOÀN SỐ 4-TT/TCĐ NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 1985 HƯỚNG DẪN THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH
121-HĐBT NGÀY 19-4-1984

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHẾ ĐỘ NGHỈ ĐỂ ĐỐI VỚI NỮ CÔNG NHÂN, VIÊN
CHỨC NHÀ NƯỚC

Thi hành Quyết định số 121-HĐBT ngày 19-4-1985 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung chế độ nghỉ để đối với nữ công nhân, viên chức Nhà nước; sau khi thống nhất ý kiến với các Bộ, các ngành liên quan. Tổng công đoàn Việt Nam quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện như sau:

A. NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHẾ ĐỘ NGHỈ ĐỂ

I. THỜI GIAN NGHỈ ĐỂ

1. Đối tượng và thời gian nghỉ để mức 180 ngày.

Để phù hợp với cuộc vận động sinh đẻ kế hoạch, khuyến khích công nhân, viên chức thực hiện mục tiêu mỗi gia đình có một hoặc hai con và căn cứ vào khả năng kinh tế hiện nay, theo Quyết định số 121-HĐBT, tất cả nữ công nhân, viên chức Nhà nước thuộc đối tượng quy định dưới đây, được nghỉ để thời gian 180 ngày (kể cả chủ nhật và ngày lễ).

- Nữ công nhân, viên chức đẻ con thứ nhất.
- Nữ công nhân viên chức chưa có con, đẻ lần thứ nhất sinh đôi, sinh ba.
- Nữ công nhân, viên chức đẻ con thứ hai.
- Nữ công nhân, viên chức đã có một con, đẻ lần thứ hai sinh đôi, sinh ba.

Ngoài thời gian được nghỉ trước và sau khi đẻ mức 180 ngày, nữ công nhân, viên chức chưa có con, đẻ lần thứ nhất sinh đôi, sinh ba hoặc đã có một con, đẻ lần thứ hai sinh đôi, sinh ba,

mỗi con sinh thêm được nghỉ thêm 30 ngày.

Nữ công nhân, viên chức thuộc đối tượng nghỉ đẻ thời gian 180 ngày đều phải nghỉ 30 ngày trước khi đẻ. Nếu đẻ sát ngày đẻ mới nghỉ, hoặc do tính không sát, chưa nghỉ đủ 30 ngày trước khi đẻ, thì sau khi đẻ chỉ được nghỉ nhiều nhất là 165 ngày. Trường hợp nghỉ trước ngày đẻ sớm (trên 30 ngày) thì số ngày nghỉ sớm phải trừ vào thời gian nghỉ 150 ngày sau khi đẻ.

2. Đối tượng và thời gian nghỉ đẻ mức 90 ngày.

Nữ công nhân, viên chức đẻ con thứ nhất, con thứ hai, nếu sau khi đẻ, con bị chết (kể cả những trường hợp đẻ non) thì được nghỉ trên 90 ngày tính từ ngày đẻ. Nếu con đã trên 90 ngày tuổi thì sau khi con chết, người mẹ được nghỉ thêm 15 ngày tính từ ngày con chết, nhưng tổng số thời gian nghỉ trước và sau khi đẻ tối đa không vượt quá thời gian 180 ngày đã quy định.

3. Đối tượng nghỉ đẻ thời gian 75 ngày.

Nữ công nhân, viên chức đã có hai con, nếu trong quá trình thực hiện mục tiêu kế hoạch hoá gia đình mà bị lỡ kế hoạch, sinh con sau đó được nghỉ đẻ thời gian là 75 ngày (kể cả chủ nhật và ngày lễ).

4. Trợ cấp trong thời gian nghỉ đẻ.

Nữ công nhân, viên chức trong thời gian được nghỉ trước và sau khi đẻ theo các mức quy định trên, được trợ cấp bảo hiểm xã hội bằng 100% tiền lương chính mới cộng với các khoản phụ cấp, trợ cấp ổn định thường xuyên đã quy định trong Thông tư số 15-TT/TCĐ ngày 20-6-1981 của Tổng Công đoàn Việt Nam, Quyết định số 8-HĐBT ngày 19-1-1983, Quyết định số 59-HĐBT ngày 15-6-1983 và Quyết định số 109-HĐBT ngày 13-8-1984 của Hội đồng Bộ trưởng.

Ngoài ra còn được trợ cấp tiền bồi dưỡng mua vật dụng và trợ cấp nuôi con nhỏ theo quy định của Quyết định số 7-HĐBT ngày 15-1-1983 của Hội đồng Bộ trưởng và Thông tư số 21-TCĐ ngày 12-3-1983 của Tổng Công đoàn Việt Nam.

II. CÁCH TÍNH SỐ CON ĐỂ XÉT HƯỞNG CHẾ ĐỘ THAI SẢN

1. Nữ công nhân, viên chức lấy chồng đã có con riêng, hoặc tái giá.

Nữ công nhân, viên chức chưa có con, lấy chồng mà người chồng đã có con riêng, thì khi đẻ con chung thứ nhất được hưởng chế độ theo mức định đối với người sinh con thứ nhất.

Từ con chung thứ hai (nếu có) phải cộng với số con riêng của chồng và con chung thứ nhất để tính thực hiện chế độ.

- Nữ công nhân, viên chức đã có con riêng lấy chồng (người chồng chưa có hoặc đã có con riêng), khi đẻ thêm con chung phải cộng với số con riêng của vợ và của chồng (nếu có) để tính thực hiện chế độ.

2. Nữ công nhân, viên chức đã nuôi con nuôi.

Nữ công nhân, viên chức đã nhận trẻ sơ sinh làm con nuôi, nếu sau quá trình điều trị mà sinh đẻ thì con mới đẻ được tính hưởng chế độ theo tiêu chuẩn của người sinh con thứ hai.

3. Trường hợp có con chết.

Trường hợp công nhân, viên chức có con chết thì số con được tính để xét hưởng chế độ thai sản chỉ bao gồm những con còn sống tính đến ngày nữ công nhân, viên chức đẻ con mới.

B. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chính sách bảo hiểm xã hội là một chính sách xã hội mang tính chất độc lập và quan hệ mật thiết, hữu cơ với các chính sách xã hội khác của Đảng và Nhà nước ta đối với người lao động. Đối với chính sách dân số, chế độ bảo hiểm xã hội về thai sản chỉ góp phần phục vụ cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, và lấy mục tiêu mỗi gia đình có một hoặc hai con là yếu tố cơ bản, chủ yếu nhất để quy định và thực hiện chế độ thai sản đối với nữ công nhân, viên chức.

Vì vậy, tất cả nữ công nhân, viên chức thuộc đối tượng nghỉ đẻ quy định tại điểm 1, phần A trong Thông tư này, vì tuổi tác, sức khỏe hoặc hoàn cảnh gia đình... mà chưa thực hiện được việc đẻ con thứ hai cách con thứ nhất 5 năm, thì vẫn được nghỉ 180 ngày theo quy định của Quyết định 121-HĐBT.

Các cơ quan xí nghiệp, cơ sở cần tổ chức tốt hơn công tác tuyên truyền vận động công nhân, viên chức thực hiện mục tiêu sinh đẻ có kế hoạch và tuyệt đối không được cắt, giảm chế độ nghỉ đẻ đối với nữ công nhân, viên chức đã được quy định tại Quyết định số 121-HĐBT và những quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện trong Thông tư này.

2. Các cơ quan, xí nghiệp quản lý nữ công nhân, viên chức phải có trách nhiệm bố trí, sắp xếp bảo đảm cho nữ công nhân, viên chức thuộc đối tượng nghỉ đẻ thời gian 180 ngày được nghỉ